

Báo cáo thị trường tiền tệ

Ngân hàng Nhà nước rút ròng trong bối cảnh tỷ giá USDVND tăng mạnh

NHNN quay lại rút thanh khoản

Trong tuần 40 năm 2024 (từ ngày 30 tháng 9 đến ngày 04 tháng 10), sau khi bơm thanh khoản đáng kể trong tuần 39, NHNN đã rút thanh khoản trong tuần giữa bối cảnh tỷ giá ghi nhận mức tăng đáng kể. Cụ thể, 67.36 nghìn tỷ giá trị hợp đồng mua kỳ hạn đáo hạn trong khi NHNN chỉ phát hành mới 10.79 nghìn tỷ đồng, dẫn đến việc rút ròng đáng kể 56.57 nghìn tỷ đồng từ hệ thống ngân hàng. Ngoài ra, NHNN đã không phát hành thêm bất kỳ tín phiếu kho bạc nào, cũng không có bất kỳ tín phiếu đáo hạn nào trong tuần.

Lãi suất liên ngân hàng giảm ở tất cả các kỳ hạn

Trong tuần 40 năm 2024 (từ ngày 30 tháng 9 đến ngày 04 tháng 10), lãi suất liên ngân hàng giảm ở tất cả các kỳ hạn, với mức giảm mạnh hơn ghi nhận ở các kỳ hạn ngắn. Cụ thể, lãi suất qua đêm, 1 tuần, 2 tuần và 1 tháng giảm mạnh 41đcb, 41đcb, 31đcb và 23đcb, lần lượt đạt 3.53%, 3.63%, 3.73% và 3.77%. Trong khi lãi suất 3 tháng, 6 tháng và 9 tháng giảm 5đcb, 15đcb và 15đcb xuống còn 3.95%, 4.60% và 4.85%. Khối lượng giao dịch bình quân ngày tăng 15.23% so với tuần trước, đạt 458.89 nghìn tỷ đồng.

USDVND tăng đột biến

Trong tuần 40 năm 2024 (từ ngày 30 tháng 9 đến ngày 04 tháng 10), USDVND đã tăng đáng kể khi DXY đạt mức cao nhất trong bảy tuần trở lại đây. Tỷ giá USDVND liên ngân hàng tăng 0.61% hoặc 150 điểm phần trăm so với tuần trước, đạt mức 24,756 vào thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, sự ổn định của nền kinh tế Hoa Kỳ và căng thẳng gia tăng ở Trung Đông đã ảnh hưởng đến giá trị của đồng bạc xanh. Kết quả là DXY đã ghi nhận năm ngày tăng liên tiếp trong tuần, tăng 2.13% và đến mức 102.5 vào cuối tuần.

Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T4/24	T5/24	T6/24	T7/24	T8/24	T9/24	Corr. ¹
FDI %n/n	8.1	9.4	9.4	9.5	5.3	13.2	-0.17
Tổng mức bán lẻ %n/n	8.6	8.9	8.9	8.6	8.4	7.6	-0.20
Xuất khẩu %n/n	11.0	14.6	13.1	20.2	14.5	11.0	-0.16
Nhập khẩu %n/n	18.8	25.7	14.7	25.0	12.4	11.5	-0.07
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	1.4	-0.5	3.2	2.0	4.5	2.3	-0.10
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t	0.07	0.05	0.17	0.48	0.00	0.29	-0.08
Tín dụng %n/n	12.7	14.0	15.3	15.1	14.9	14.6	-0.23
USDVND %t/t	2.19	0.45	0.02	-0.81	-1.48	-1.24	-0.40
PMI(Điểm)	50.3	50.3	54.7	54.7	52.4	47.3	-0.24
VNINDEX %t/t	-5.8	4.8	-1.2	0.7	2.6	0.8	1.00

Nguồn: SBV, GSO, Bloomberg, KIS

¹ Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;

Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

Nội dung

I. NHNN quay lại rút thanh khoản	1
II. Lãi suất liên ngân hàng giảm ở tất cả các kỳ hạn.....	3
III. Lợi suất trái phiếu Chính phủ vẫn ổn định.....	4
IV. USDVND tăng đột biến.....	6
Tổng kê ví mô	8
Phụ lục	9

Research Dept.

researchdept@kisvn.vn

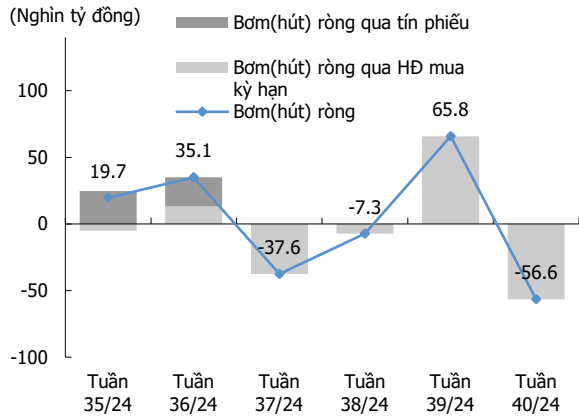
I. NHNN quay lại rút thanh khoản

NHNN rút thanh khoản trong bối cảnh bất ổn leo thang

Trong tuần 40 năm 2024 (từ ngày 30 tháng 9 đến ngày 04 tháng 10), sau khi bơm thanh khoản đáng kể trong tuần 39, NHNN đã rút thanh khoản trong tuần giữa bối cảnh tỷ giá ghi nhận mức tăng đáng kể. Cụ thể, 67.36 nghìn tỷ giá trị hợp đồng mua kỳ hạn đáo hạn trong khi NHNN chỉ phát hành mới 10.79 nghìn tỷ đồng, dẫn đến việc rút ròng đáng kể 56.57 nghìn tỷ đồng từ hệ thống ngân hàng. Ngoài ra, NHNN đã không phát hành thêm bất kỳ tín phiếu kho bạc nào, cũng không có bất kỳ tín phiếu đáo hạn nào trong tuần.

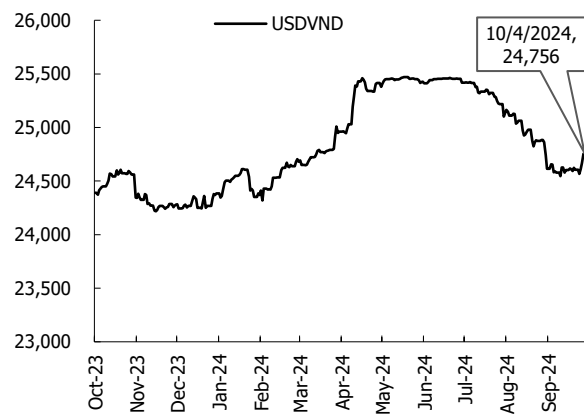
Diễn biến này nhấn mạnh lập trường thận trọng của NHNN khi các thông tin toàn cầu cho thấy sự bất ổn và khó lường. Việc áp dụng các chính sách tiền tệ nới lỏng trong những tuần trước để hỗ trợ phục hồi kinh tế đã làm suy yếu giá trị của đồng nội tệ. Trong khi giá trị của đồng bạc xanh tăng mạnh khi các công bố quan trọng trong tuần phản ánh sự phục hồi của thị trường Hoa Kỳ, cùng với bất ổn leo thang về địa chính trị ở Trung Đông đã khiến tỷ giá tiếp tục tăng mạnh trong tuần. Do đó, các hành động của NHNN trong tuần này thể hiện cách tiếp cận thận trọng trong các quyết định sắp tới của mình.

Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng



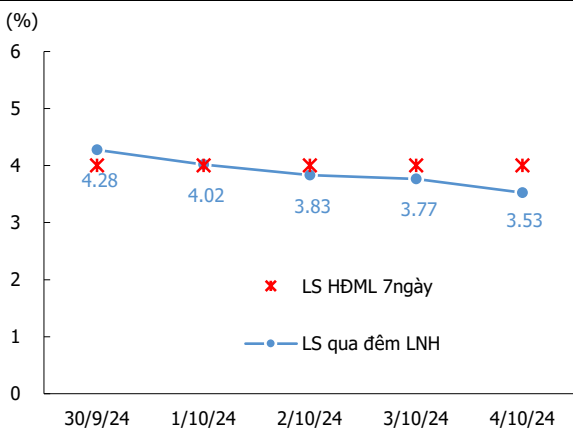
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 2. Liên ngân hàng: diễn biến USDVND



Nguồn: Vietcombank, KIS

Hình 3. Hành lang lãi suất



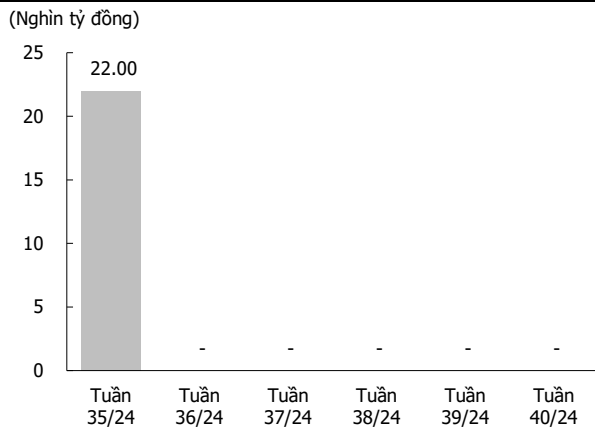
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KIS

Hình 4. Thông tin chi tiết về HĐ mua kỳ hạn

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị phát hành (nghìn tỷ)	Lãi suất trúng thầu(%)
30/9/24	7/10/24	7	4.82	4.00
1/10/24	8/10/24	7	3.25	4.00
2/10/24	9/10/24	7	2.27	4.00
4/10/24	11/10/24	7	0.45	4.00
Total		7	10.79	4.00

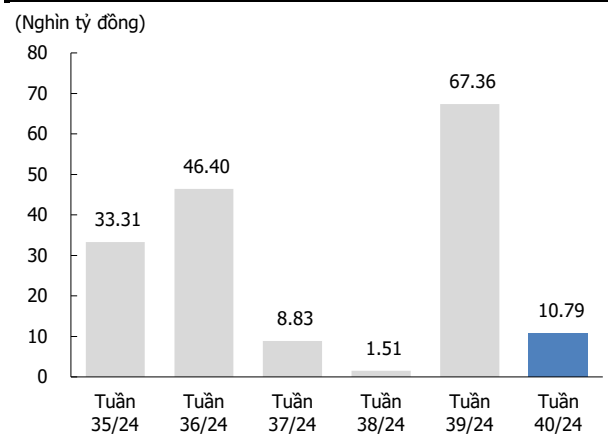
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 5. Tín phiếu đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

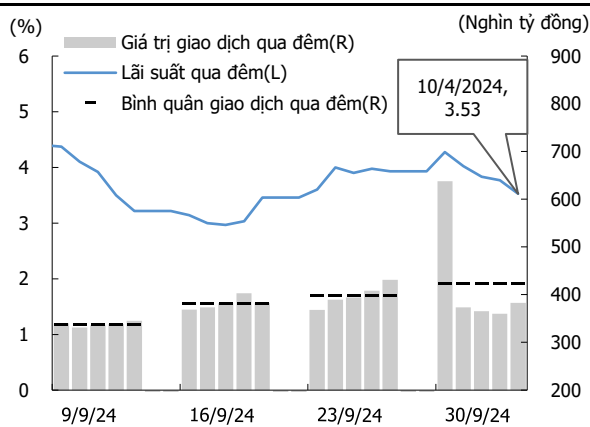
II. Lãi suất liên ngân hàng giảm ở tất cả các kỳ hạn

Lãi suất liên ngân hàng giảm ở tất cả kỳ hạn

Trong tuần 40 năm 2024 (từ ngày 30 tháng 9 đến ngày 04 tháng 10), lãi suất liên ngân hàng giảm ở tất cả các kỳ hạn, trong đó các kỳ hạn ngắn ghi nhận mức giảm mạnh hơn. Cụ thể, lãi suất qua đêm, 1 tuần, 2 tuần và 1 tháng giảm mạnh 41đcb, 41đcb, 31đcb và 23đcb, lần lượt đạt 3.53%, 3.63%, 3.73% và 3.77%. Trong khi lãi suất 3 tháng, 6 tháng và 9 tháng giảm 5đcb, 15đcb và 15đcb xuống còn 3.95%, 4.60% và 4.85%. Khối lượng giao dịch bình quân ngày tăng 15.23% so với tuần trước, đạt 458.89 nghìn tỷ đồng.

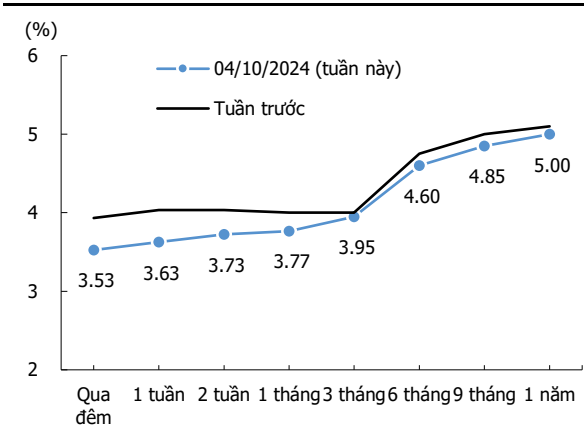
Trong tuần, lãi suất liên ngân hàng giảm chủ yếu do quyết định rút thanh khoản của NHNN sau một thời gian bơm tiền đáng kể. Thanh khoản dồi dào từ những tuần trước cho phép các ngân hàng điều chỉnh vị thế, giảm nhu cầu vay trên thị trường liên ngân hàng. Điều này dẫn đến sự dịch chuyển của đường cong lãi suất trên tất cả các kỳ hạn

Hình 7. Giao dịch liên ngân hàng



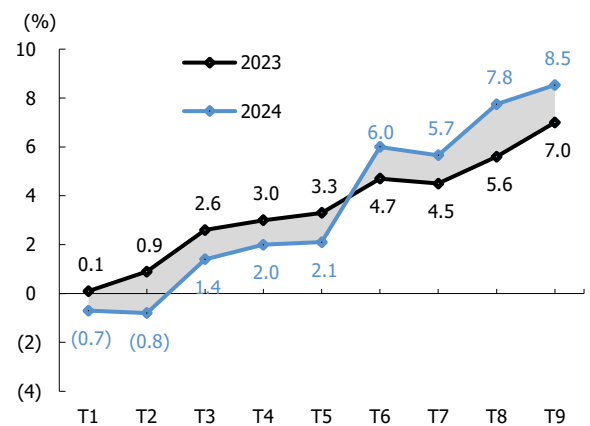
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 8. Đường cong lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

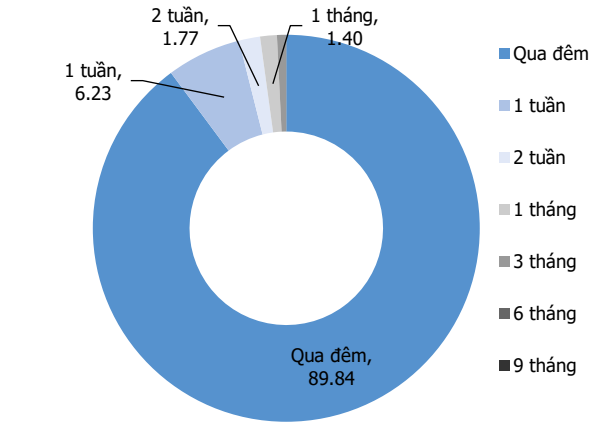
Hình 9. Tăng trưởng tín dụng theo tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Ghi chú: Cập nhật đến ngày 27 tháng 9 năm 2024

Hình 10. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc



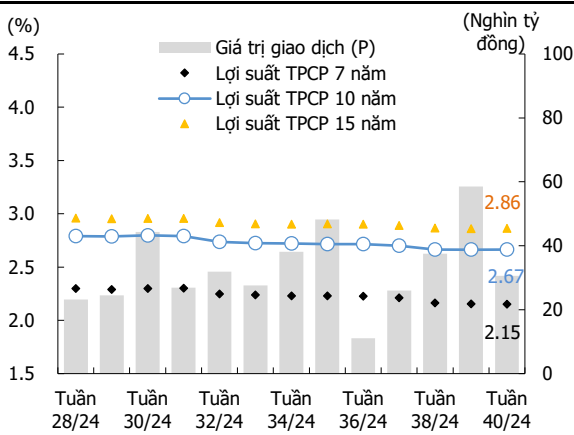
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

III. Lợi suất trái phiếu Chính phủ vẫn ổn định

Lợi suất trái phiếu Chính phủ ổn định trong bối cảnh bất ổn cao

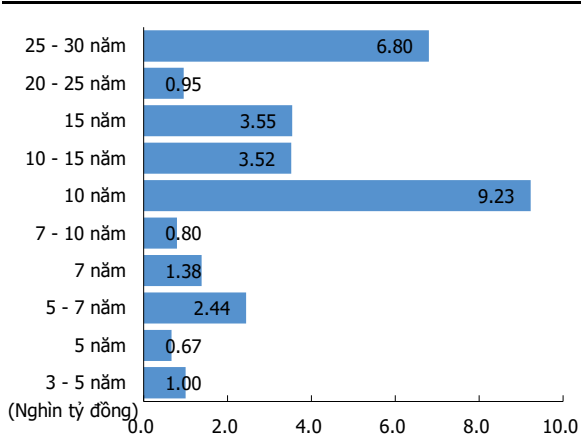
Trong tuần 40 năm 2024 (từ ngày 30 tháng 9 đến ngày 04 tháng 10), lợi suất trái phiếu chính phủ (TPCP) gần như không đổi so với tuần trước, trong khi khối lượng giao dịch giảm đáng kể. Cụ thể, lợi suất trái phiếu kỳ hạn 20 năm giảm 2đcb xuống mức 2.98%. Tổng giá trị giao dịch đạt 30.62 nghìn tỷ đồng, với mức trung bình hàng ngày là 6.12 nghìn tỷ đồng, đánh dấu mức giảm 47.72% so với tuần trước. Nhìn chung, nhu cầu giảm đáng kể trong tuần khi thanh khoản giảm mạnh, trong khi lợi suất vẫn ổn định, phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư đối với thị trường trong bối cảnh diễn biến toàn cầu và các hành động sắp tới của NHNN.

Hình 11: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần



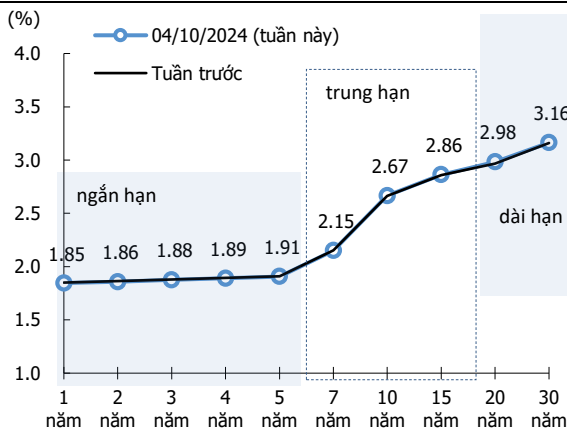
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 12: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn



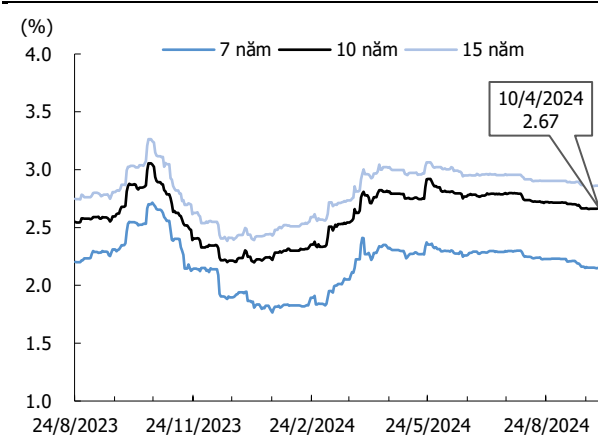
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 13: Đường cong lãi suất TPCP



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

Hình 14: Lãi suất TPCP giao dịch hàng ngày

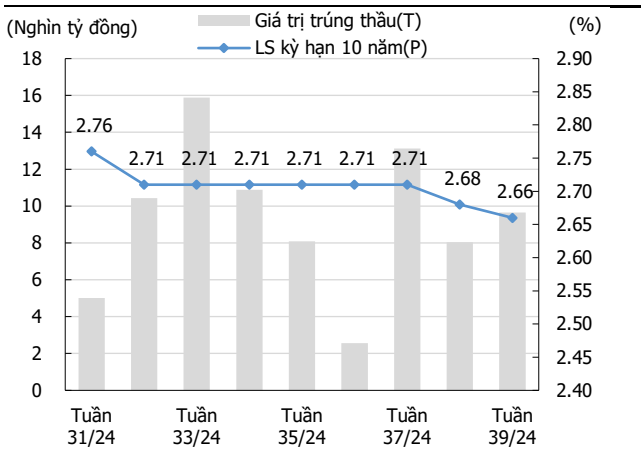


Nguồn: HNX, VBMA, KIS

Trên thị trường sơ cấp, trong tuần cho thấy nhu cầu mạnh mẽ khi lợi suất trúng thầu giảm và giá trị trúng thầu giảm. Cụ thể, KBNN đã phát hành thành công 3.51 nghìn tỷ đồng trong tuần này, với lợi suất trúng thầu giảm 3đcb xuống 2.68%. Đến nay, KBNN đã phát hành tổng cộng 275.18 nghìn tỷ đồng kể từ đầu năm, đạt 68.80% mục tiêu năm 2024. Tiến độ của năm nay nhanh hơn đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái, với tỷ lệ hoàn thành tăng 4.53% so với cùng kỳ năm ngoái. Động lực chính thúc đẩy sự tăng tốc này có thể là đẩy nhanh giải ngân đầu tư công trong quý 4 nhằm đảm bảo đạt được mục tiêu của chính phủ đề ra

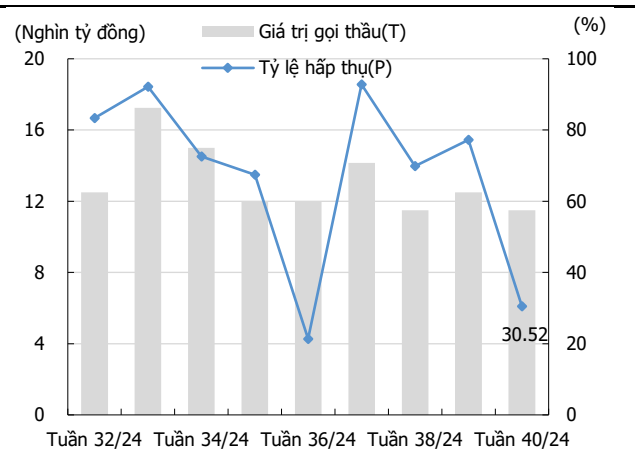
trong năm 2024. Tuy nhiên, trong những tháng gần đây, tốc độ đã dần chậm lại khi các diễn biến toàn cầu trở nên khó lường hơn.

Hình 15: Giá trị trúng thầu hàng tuần



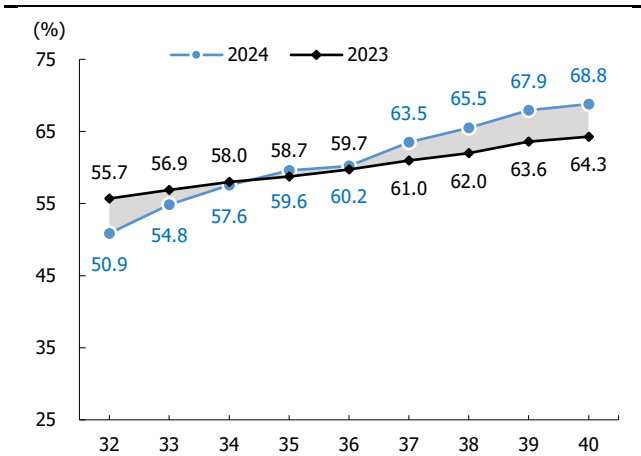
Nguồn: HNX, KIS

Hình 16: Hệ số hấp thụ hàng tuần



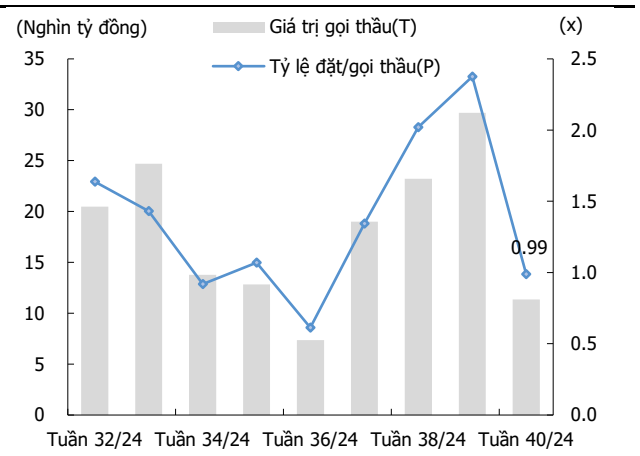
Nguồn: HNX, KIS

Hình 17: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm 2024



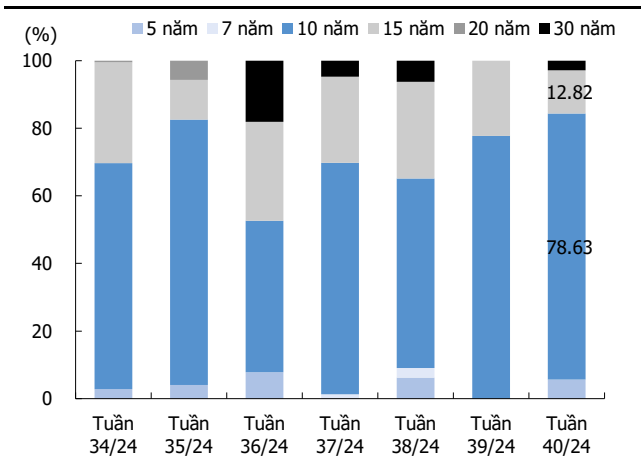
Nguồn: HNX, KIS

Hình 18: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần



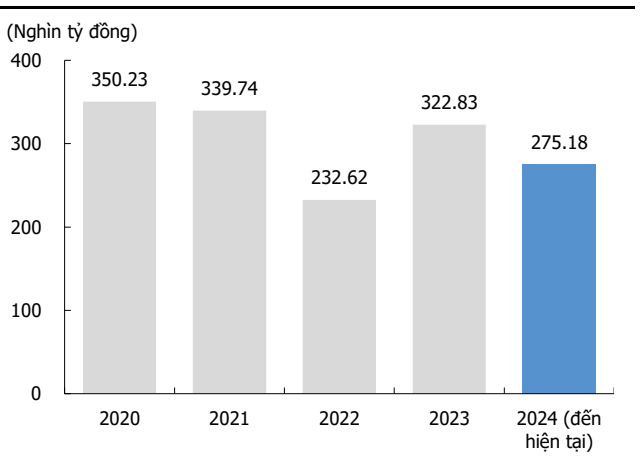
Nguồn: HNX, KIS

Hình 19: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần



Nguồn: HNX, KIS

Hình 20: Lượng TPCP phát hành hàng năm



Nguồn: HNX, KIS

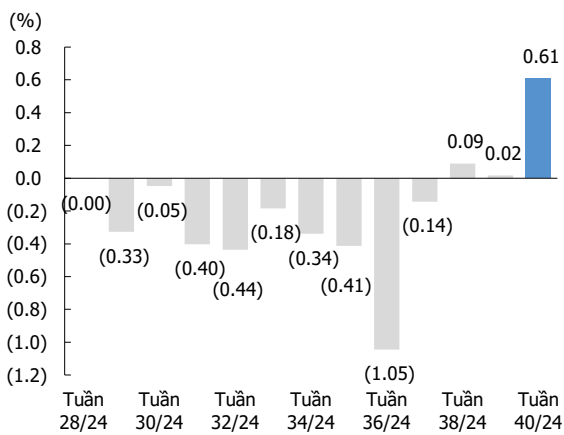
IV. USDVND tăng đột biến

DXY tăng đáng kể

Trong tuần 40 năm 2024 (từ ngày 30 tháng 9 đến ngày 04 tháng 10), USDVND đã tăng đáng kể khi DXY đạt mức cao nhất trong bảy tuần trở lại đây. Tỷ giá USDVND liên ngân hàng tăng 0.61% hoặc 150 điểm phần trăm so với tuần trước, đạt mức 24,756 vào thứ Sáu.

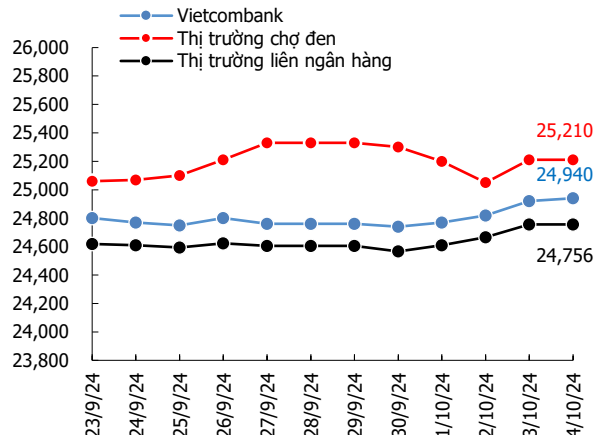
Trên thị trường quốc tế, các dữ liệu kinh tế quan trọng được công bố trong tuần cho thấy những tín hiệu tích cực từ thị trường lao động Hoa Kỳ, chẳng hạn như sự gia tăng trong bảng lương phi nông nghiệp và doanh nghiệp tư nhân, cùng với số việc làm tăng cùng tỷ lệ thất nghiệp thấp hơn dự kiến trong tháng 9. Sự ổn định của nền kinh tế Hoa Kỳ đã thúc đẩy kỳ vọng về các quyết định ôn hòa hơn về lãi suất của Fed, tạo áp lực tăng lên đối với USD. Hơn nữa, đồng bạc xanh cũng được hưởng lợi từ vị thế là một trong những kênh đầu tư an toàn của mình trong bối cảnh lo ngại ngày càng tăng về căng thẳng gia tăng ở Trung Đông. Kết quả là DXY đã ghi nhận năm ngày tăng liên tiếp trong tuần, tăng 2.13% và đạt mức 102.5 vào cuối tuần. Với thị trường trong nước, báo cáo số liệu mới nhất từ Tổng cục Thống kê cho thấy cán cân thương mại trong tháng 9 ghi nhận mức thặng dư 2.29 tỷ USD. Tuần này, các nhà đầu tư nước ngoài đã quay trở lại mua ròng trên HOSE, với tổng cộng 0.45 nghìn tỷ đồng, tương đương 0.5% giá trị giao dịch trong tuần. Mặc dù áp lực mua đã xuất hiện trở lại sau khi bán ròng vào tuần trước, nhưng mức độ thì vẫn tương đối khiêm tốn. Về diễn biến trên thị trường ngoại hối, giá chào bán tại Vietcombank tăng 0.73% hay 180 điểm phần trăm, trong khi giá bán trên thị trường chợ đen giảm đáng kể với mức giảm 0.47% hoặc 120 điểm phần trăm so với tuần trước. Vào thứ sáu, giá chào bán tại Vietcombank và thị trường chợ đen lần lượt được ghi nhận ở mức 24,940 và 25,210 cho một đô la Mỹ.

Hình 21: Diễn biến của USDVND theo tuần



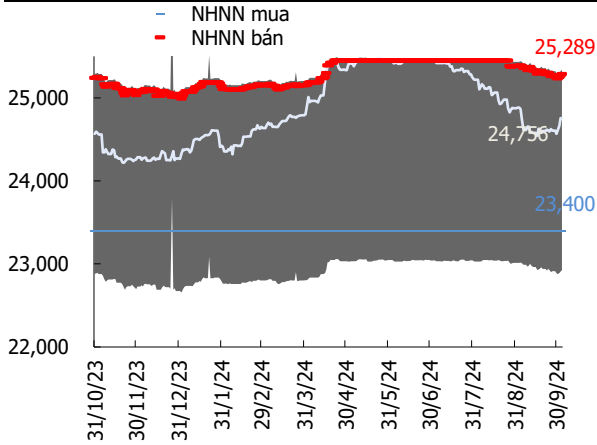
Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 22: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng ngày



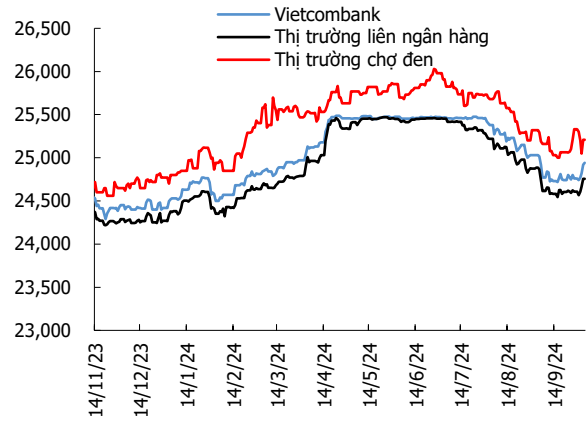
Nguồn: TCTT, KIS

Hình 23: Diễn biến giao dịch của NHNN



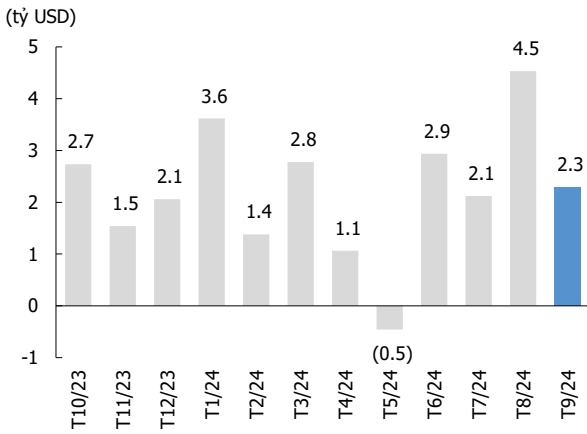
Nguồn: NHNN, Bloomberg, Finpro, KIS

Hình 24: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng



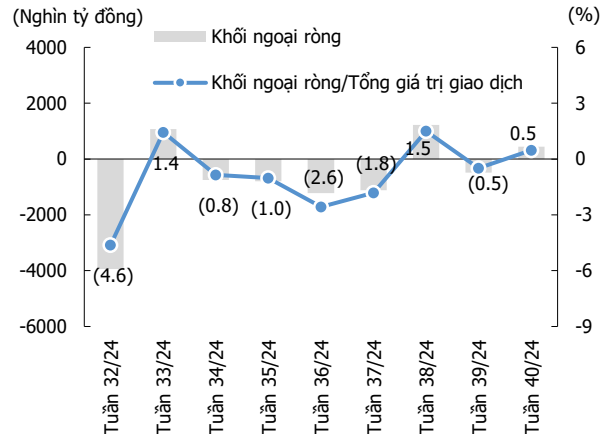
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KIS

Hình 25: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng



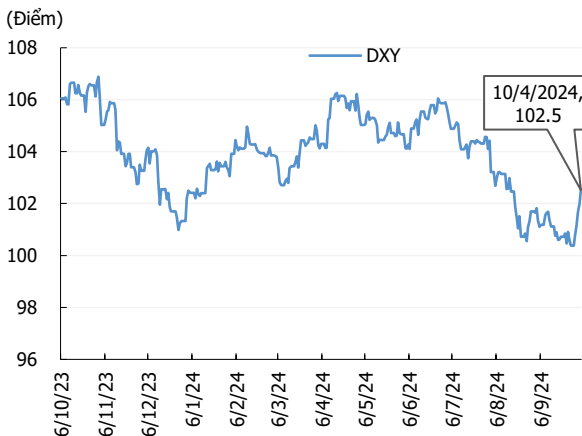
Nguồn: NHNN, Bloomberg
Ghi chú: Cập nhật đến 15 tháng 9, 2024

Hình 26: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần



Nguồn: Finpro, KIS

Hình 27: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 28: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật

Tỷ giá	Cơ chế	38W24	39W24	40W24	2024YTD
DXY	Chỉ số đồng Đô La Mỹ	-0.39	-0.34	2.13	1.17
USDCNY	Tỷ giá thả nổi có quản lý	-0.71	-0.51	0.11	-1.15
EURUSD	Tỷ giá thả nổi	0.79	0.00	-1.68	-0.59
USDJPY	Tỷ giá thả nổi	2.13	-1.14	4.56	5.43
USDKRW	Tỷ giá thả nổi	0.12	-1.85	2.87	4.67
USDSGD	Cơ chế trung gian (BBC)	-0.55	-0.74	1.83	-1.20
USDTHB	Tỷ giá thả nổi	-0.83	-1.97	1.96	-3.23
USDVND	Tỷ giá thả nổi có quản lý	0.09	0.02	0.61	2.02

Nguồn: NHNN, Bloomberg
Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá tăng nhẹ; Đỏ = Giá giảm.

Thống kê vĩ mô

	T5/24	T6/24	T7/24	T8/24	T9/24	4Q23	1Q24	2Q24	3Q24	2020	2021	2022	2023
Tăng GDP thực (%)						6.72	5.66	6.93	7.40	2.91	2.58	8.02	5.05
FDI đăng ký (USD bn)	1.80	4.13	2.82	2.53	4.26	16.40	6.18	9.01	9.59	28.53	31.15	27.72	36.61
GDP bình quân (USD)										3,521	3,725	4,110	4,285
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.28	2.24	2.29	2.24	2.48	3.22	2.32	2.26
Xuất khẩu (tỷ USD)	32.81	33.09	35.92	37.59	34.05	96.53	93.06	92.9	108.6	282.7	335.7	371.85	355.5
Nhập khẩu (tỷ USD)	33.81	30.15	33.80	33.06	31.76	90.17	84.98	85.1	99.7	263	331.1	360.65	327.5
Tăng trưởng XK (%)	15.84	10.52	19.11	14.54	10.70	8.80	16.98	12.46	15.82	7.02	18.74	10.61	-4.4
Tăng trưởng NK (%)	29.90	13.12	24.73	12.38	11.06	8.01	13.88	19.81	17.19	3.81	25.9	8.35	-8.9
Lạm phát (%)	4.44	4.34	4.36	3.45	2.63	3.54	3.77	4.39	3.48	3.24	1.84	3.15	3.25
USD/VND	25,458	25,458	25,320	24,860	24,093	24,260	24,786	25,458	24,093	23,126	22,790	23,650	23,784
Tăng trưởng tín dụng (%)	14.0	15.2	15.1	14.6	14.6	10.82	11.6	13.5	15.3	12.17	12.97	12.87	11.09
TPCP 10 năm (%)	2.86	2.81	2.79	2.83	2.66	2.23	2.59	2.81	2.66	2.01	2.11	5.08	2.39

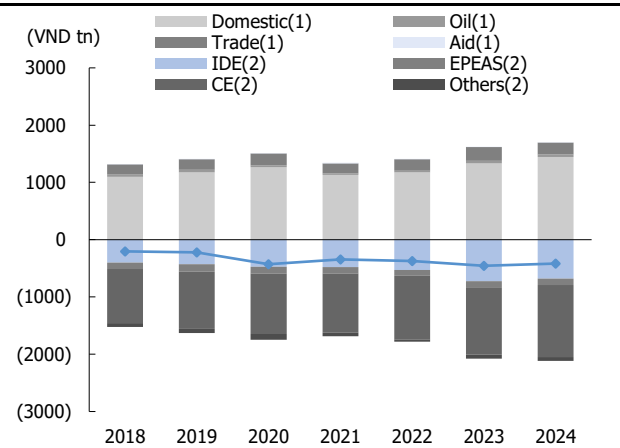
Nguồn: TCTK, Bloomberg, FIA, IMF

**Khái niệm

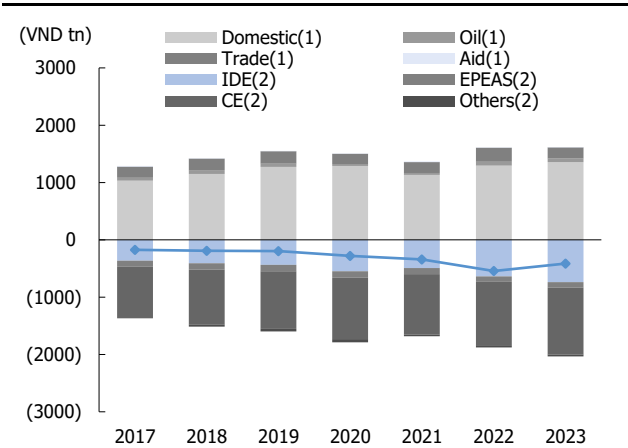
- * Tỷ giá lãi suất trúng thầu = tỷ giá đặt thầu cao nhất của mỗi nhóm, 2.66%
- * Hệ số hấp thụ = giá đặt thầu / giá gọi thầu, 77.20%
- * Tỷ lệ "bid to offer" = giá chào thầu / giá đặt thầu, 2.38%
- * DXY = Chỉ số giá USD Index, ~100.4
- * OMO = Nghiệp vụ thị trường mở
- * Kỳ hạn = Khoảng thời gian đến ngày thanh toán
- * ON =lãi suất liên ngân hàng qua đêm, ~3.93%

Phụ lục

Hình 1: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: dự kiến



Hình 2: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: thực tế



Nguồn: MoF, NHNN, KIS

Domestic= Doanh thu quốc nội; Oil= Doanh thu giao dịch dầu thô; Trade= Cán cân thu nhập từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu; Aid= Doanh thu từ viện trợ.

IDE=Chi đầu tư phát triển; EPEAS=Chi phí lãi vay và chi trả cho viện trợ; CE= Chi tiêu hiện tại

(1) ghi chú khoản mục thuộc về doanh thu

(2) ghi chú khoản mục thuộc về chi tiêu hoặc được ghi nhận dưới dạng số âm

Hình 2: Cán cân thanh toán của Việt Nam (tỷ USD)

	2020	2021	2022	2023	4Q23	1Q24
Cán cân vãng lai	15.1	(4.6)	(1.1)	25.1	6.4	5.2
Hàng hóa: Xuất khẩu	282.6	335.9	371.3	354.7	95.7	92.9
Hàng hóa : Nhập khẩu	251.9	318.5	345.6	310.7	84.8	81.0
Hàng hóa ròng	30.7	17.5	25.7	44.0	10.9	11.9
Dịch vụ: Xuất khẩu	7.6	4.2	12.9	19.6	5.4	5.7
Dịch vụ: Nhập khẩu	17.9	19.9	25.5	29.1	8.1	8.0
Thu nhập sơ cấp: Thu	1.4	1.0	2.3	4.6	1.4	1.4
Thu nhập sơ cấp: Chi	16.2	17.7	22.0	27.0	6.8	9.0
Thu nhập thứ cấp: Thu	11.4	13.6	12.2	16.1	4.4	4.3
Thu nhập thứ cấp: Chi	2.0	3.2	6.7	3.1	0.9	1.0
Cán cân tài chính	(8.5)	(30.9)	(9.5)	(2.8)	(1.6)	1.4
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	0.4	0.3	2.7	1.6	(0.1)	(0.1)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản nợ	15.8	15.7	17.9	18.5	5.8	3.6
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	(0.0)	(0.0)	(0.0)	0.0	(0.1)	0.0
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	(1.3)	0.3	1.5	(1.2)	(0.1)	(0.5)
Đầu tư khác, tài sản có	8.4	0.6	13.7	(14.3)	(4.1)	0.2
Đầu tư khác, tài sản nợ	2.8	15.9	6.4	(7.4)	(2.6)	(1.8)
Lỗi và sai sót	(6.9)	(10.4)	(31.1)	(16.6)	(2.3)	(8.0)
Dự trữ và các hạng mục liên quan	16.6	15.9	(22.7)	(5.6)	(2.5)	1.4

Nguồn: NHNN, IMF, KIS

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

VIET NAM

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)
KIS Vietnam Securities Corporation
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
Fax: 8428 3821-6898

SOUTH KOREA

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320
Fax: 822 3276 5681~3
Telex: K2296

NEW YORK

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)
Korea Investment & Securities America, Inc.
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110
New York, NY 10019
Fax: 1 212 314 0699

HONG KONG

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.
Suite 2220, Jardine House
1 Connaught Place, Central, Hong Kong
Fax: 852-2530-1516

SINGAPORE

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place
Singapore 048616
Fax: 65 6501 5617

LONDON

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.
2nd Floor, 35-39 Moorgate
London EC2R 6AR
Fax: 44-207-236-4811

This report has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This report is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this report and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this report or its contents. This report is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.